

HLB International



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
 Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 7 367 879 - Fax: (84-4) 7 367 869
 Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
 Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 0764/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2009 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 15 tháng 07 năm 2009, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0088/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2009.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.833.225.879	216.187.555.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.886.086.248	62.523.760.431
1. Tiền	111		23.409.586.248	10.623.760.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.476.500.000	51.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.308.431.779	94.979.575.486
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	68.752.941.305	50.022.264.045
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	10.425.041.397	14.620.418
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	25.136.145.900	45.028.250.065
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(5.696.823)	(85.559.042)
IV. Hàng tồn kho	140		59.123.309.751	49.778.614.044
1. Hàng tồn kho	141	V.6	59.123.309.751	49.778.614.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.515.398.101	8.905.605.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	24.169.999	131.249.994
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.457.987.684	1.361.673.713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	150.424.925	529.164.171
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	14.882.815.493	6.883.517.493

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.760.030.109	84.467.319.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.775.215.873	53.837.626.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.026.058.056	17.397.947.980
<i>Nguyên giá</i>	222		43.105.690.908	37.541.015.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.079.632.852)	(20.143.067.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19.208.279.300	19.391.594.300
<i>Nguyên giá</i>	228		19.758.224.300	19.758.224.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(549.945.000)	(366.630.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	13.540.878.517	17.048.084.576
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.003.168.950	30.485.085.590
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	42.612.150.424	77.274.511.415
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(17.608.981.474)	(46.789.425.825)
V. Tài sản dài hạn khác	260		981.645.286	144.607.335
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	981.645.286	144.607.335
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		324.593.255.988	300.654.875.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.311.799.684	19.713.478.016
I. Nợ ngắn hạn	310		35.055.959.480	18.367.375.126
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	26.894.877.054	16.206.538.821
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	531.578.268	475.763.448
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.418.084.951	26.750.333
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2.554.446.981	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	110.192.146	429.302.837
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	546.780.080	1.229.019.687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.255.840.204	1.346.102.890
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	1.113.000.000	953.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	10.746	175.616.432
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	142.829.458	217.486.458
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		288.281.456.304	280.941.397.097
I. Vốn chủ sở hữu	410		285.840.410.165	277.758.862.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	81.000.000.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	177.260.000.000	177.260.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.25	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	3.363.619.240	3.363.619.240
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	17.091.183.484	9.009.636.177
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.441.046.139	3.182.534.239
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	2.441.046.139	3.182.534.239
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		324.593.255.988	300.654.875.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

371.620,97

434.118,14

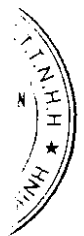


Cần Thơ ngày 15 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

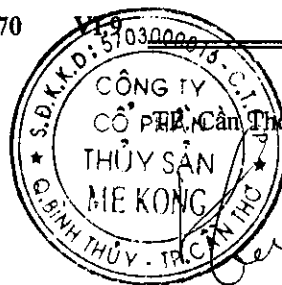
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	221.182.266.693	196.526.635.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.670.583.200	1.472.797.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	212.511.683.493	195.053.837.339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	175.133.374.366	166.404.128.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.378.309.127	28.649.708.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	39.783.592.220	8.455.491.518
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.568.862.615	2.106.505.408
Trong đó: chi phí lãi vay	23		131.172.915	141.567.467
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.978.457.765	15.569.373.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.024.519.199	2.563.417.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.590.061.768	16.865.903.409
11. Thu nhập khác	31	VI.7	442.785.741	635.913.917
12. Chi phí khác	32	VI.8	119.961.249	14.884.144
13. Lợi nhuận khác	40		322.824.492	621.029.773
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.912.886.260	17.486.933.182
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	5.864.382.590	1.311.519.989
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	(1.012.643.637)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>26.061.147.307</u>	<u>16.175.413.193</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>3.217</u>	<u>1.997</u>


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2009

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.912.886.260	17.486.933.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	2.119.879.874	1.328.403.547
- Các khoản dự phòng	03		(29.260.306.570)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	3.924.829.116	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4	(1.183.490.240)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	131.172.915	141.567.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.644.971.355	18.956.904.196
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.043.113.461)	(4.152.700.773)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.344.695.707)	651.853.936
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.364.205.946	14.918.286.219
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		107.079.995	(773.266.653)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(131.172.915)	(141.567.467)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(991.997.123)	(614.893.949)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	30.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(854.787.500)	(2.358.870.969)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.249.509.410)	26.515.744.540
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(2.057.468.891)	(9.996.158.185)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.074.951.302)	(173.189.708.141)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		23.979.690.000	161.046.711.320
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.183.490.240	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.030.760.047	(22.139.155.006)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

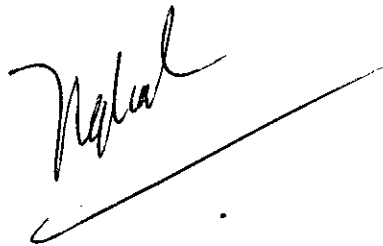
Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

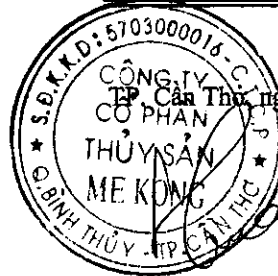
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		27.410.000.000	16.030.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.410.000.000)	(16.030.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.781.250.637	(3.623.410.466)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.523.760.431	34.309.039.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		581.075.180	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	64.886.086.248	30.685.629.239



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính là 29.180.444.351 VND; đồng thời chuyển nhượng một số chứng khoán làm phát sinh lỗ do đầu tư chứng khoán là 18.624.002.626 VND. Hai khoản này đã làm cho lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2009 tăng lên 10.556.441.725 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 8 của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với các hoạt động được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm kể từ ngày 01/01/2004.
- Đối với các hoạt động không được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế

Ngoài ra Công ty còn được hưởng các ưu đãi bổ sung như sau:

- Giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp:
 - o Xuất khẩu mặt hàng mới có tính năng kinh tế - kỹ thuật, tính năng sử dụng khác với mặt hàng trước đây đã xuất khẩu
 - o Xuất khẩu ra thị trường một quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.
- Giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với các trường hợp:
 - o Có doanh thu xuất khẩu đạt tỉ trọng trên 50% tổng doanh thu
 - o Duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong ba năm liên tục trước đó.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
30/6/2009 : 16.953 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở phần thuyết minh VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.571.254	35.967.519
Tiền gửi ngân hàng	19.471.414.994	10.587.792.912
Tiền đang chuyển	3.930.600.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	41.476.500.000	51.900.000.000
Cộng	<u>64.886.086.248</u>	<u>62.523.760.431</u>

(*)Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	1.423.042.814	1.412.387.971
Khách hàng nước ngoài	67.329.898.491	48.609.876.074
Cộng	<u>68.752.941.305</u>	<u>50.022.264.045</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chăn nuôi Việt Nam	1.300.440.120	-
Công ty TNHH điện lạnh Sài Gòn	3.314.000.350	-
Công ty TNHH Năm Dững	4.400.000.000	-
Nhà máy Proconco Cần Thơ	1.394.678.617	10.193.628
Công ty TNHH Green Feed Việt Nam	14.242.400	3.713.400
Công ty TNHH Guyomarch Feed Việt Nam	-	713.400
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản VINA	1.679.910	-
Cộng	<u>10.425.041.397</u>	<u>14.620.428</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Đại lý cá	23.813.459.000	24.819.790.000
Tạm ứng cho cổ đông	-	17.820.000.000
Phải thu khác	1.322.686.900	2.388.460.065
Cộng	<u>25.136.145.900</u>	<u>45.028.250.065</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	5.696.823	85.559.042
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	85.559.042
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.696.823	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>5.696.823</u>	<u>85.559.042</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.210.738.483	1.263.152.938
Công cụ, dụng cụ	485.994.535	612.078.583
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.154.116.460	4.328.581.238
Thành phẩm	45.272.460.273	39.259.625.940
Hàng gửi đi bán	-	4.315.175.345
Cộng	<u>59.123.309.751</u>	<u>49.778.614.044</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào</u> <u>chi phí SXKD</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sửa chữa tài sản	131.249.994	-	(107.079.995)	24.169.999
Cộng	<u>131.249.994</u>	<u>-</u>	<u>(107.079.995)</u>	<u>24.169.999</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	529.164.171
Thuế tạm nộp hàng nhập khẩu tái xuất	103.880.605	-
Thuế khác	46.544.320	-
Cộng	<u>150.424.925</u>	<u>529.164.171</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	14.882.815.493	6.883.517.493
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>14.882.815.493</u>	<u>6.883.517.493</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật</u> <u>kiến trúc</u>	<u>Máy móc và</u> <u>thiết bị</u>	<u>Phương tiện</u> <u>vận tải,</u> <u>truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng</u> <u>cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.309.599.047	28.412.210.847	1.293.106.369	526.099.695	37.541.015.958
Tăng trong kỳ	4.657.704.650	896.070.300	-	10.900.000	5.564.674.950
Mua sắm mới	427.329.345	871.722.500	-	10.900.000	1.309.951.845
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.230.375.305	24.347.800	-	-	4.254.723.105
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>11.967.303.697</u>	<u>29.308.281.147</u>	<u>1.293.106.369</u>	<u>536.999.695</u>	<u>43.105.690.908</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.126.072.175	3.725.991.351	-	260.088.353	10.112.151.879

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.774.655.390	12.029.857.174	1.020.752.427	317.802.987	20.143.067.978
Tăng trong kỳ	125.350.899	1.736.708.962	49.077.990	25.427.023	1.936.564.874
Khấu hao trong kỳ	125.350.899	1.736.708.962	49.077.990	25.427.023	1.936.564.874
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.900.006.289	13.766.566.136	1.069.830.417	343.230.010	22.079.632.852
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	534.943.657	16.382.353.673	272.353.942	208.296.708	17.397.947.980
Số cuối kỳ	5.067.297.408	15.541.715.011	223.275.952	193.769.685	21.026.058.056

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Số đầu năm	19.758.224.300
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	19.758.224.300
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	366.630.000
Tăng trong kỳ	183.315.000
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	549.945.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	19.391.594.300
Số cuối kỳ	19.208.279.300

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	14.765.780.000	646.109.546	(4.088.639.300)	11.323.250.246
XDCB dở dang	2.282.304.576	101.407.500	(166.083.805)	2.217.628.271
Cộng	17.048.084.576	747.517.046	(4.254.723.105)	13.540.878.517

13. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	-	17.630.459.558
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển	189.294.600	2.107.536.625
Công ty cổ phần phát triển đầu tư công nghệ FPT	-	112.520.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Hà Nội	-	366.978.880
Công ty cổ phần Hapaco	42.821.400	310.569.900
Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp dầu khí	40.420.200	64.528.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	2.065.087.800
Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	-	4.985.169.600
Công ty cổ phần cáp & vật liệu Viễn Thông	89.744.850	145.290.000
Công ty cổ phần đầu tư thương mại SMC	-	109.805.400
Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức	236.769.600	2.876.159.300
Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến	199.742.600	9.644.490.412
Công ty cổ phần dây & cáp điện TAYA Việt Nam	43.721.850	78.857.200
Công ty cổ phần sữa Việt Nam	366.277.000	971.057.940
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long	3.250.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ	4.100.000.000	4.100.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	6.850.000.000	6.850.000.000
Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty cổ phần cao su Phước Hoà	3.780.000.000	3.780.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương VN	10.776.000.000	10.776.000.000
Fimex Sóc Trăng	4.958.363.924	-
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TPHCM	78.439.200	-
Sacom bank	169.984.950	-
Công ty cổ phần XNK Khánh Hội	40.020.000	-
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	61.030.500	-
Quỹ đầu tư DN hàng đầu Việt Nam	39.519.750	-
Cộng	<u>42.612.150.424</u>	<u>77.274.511.415</u>

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	144.607.335
Phát sinh trong kỳ	837.037.951
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>981.645.286</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đại lý cá, bách tuộc	23.095.120.630	12.206.202.074
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	-	112.499.650
Công ty TNHH Hoàng Lộ	167.847.908	273.882.840
Công ty TNHH Năm Dững	-	471.290.098
Công ty TNHH Phát triển	333.050.960	158.799.465
DNTN Tam Đại Dương	16.820.000	254.869.054

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty công nghiệp Tân Á	873.435.436	381.170.317
Công ty TNHH Tân Mỹ	43.205.396	352.948.332
Xí nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì	326.001.817	239.461.090
Công ty TNHH Tân Thuận Thành	497.249.025	-
Các nhà cung cấp khác	1.542.145.882	1.755.415.901
Cộng	26.894.877.054	16.206.538.821

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	-	-
Khách hàng nước ngoài	531.578.268	475.763.448
Cộng	531.578.268	475.763.448

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	-	(103.880.605)	(103.880.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(529.164.171)	5.864.382.590	(991.997.123)	4.343.221.296
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.863.655	-	74.863.655
Thuế tài nguyên (*)	-	506.610	(750.930)	(244.320)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	90.600.000	(136.900.000)	(46.300.000)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.750.333	10.837.513	(37.587.846)	-
Cộng	(502.413.838)	6.041.190.368	(1.271.116.504)	4.267.660.026

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.912.886.260	17.486.933.182
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.924.872.098	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(617.495.482)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	34.220.262.876	17.486.933.182
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi	15.375.332.163	17.486.933.182
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	18.844.930.713	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.017.532.503	2.623.039.977
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(1.153.149.912)	(1.311.519.989)
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.864.382.590	1.311.519.989

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển KCN Cần Thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HD0/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm

Công ty được miễn 6 năm tiền thuê đất kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2002.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho người lao động.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cơm	106.810.000	279.992.696
Chi phí xuất hàng	-	37.124.388
Công cụ, dụng cụ	-	20.796.188
Điện thoại	-	12.469.300
Tiền công thuê ngoài	-	64.091.721
Chi phí khác	3.382.146	14.828.544
Cộng	110.192.146	429.302.837

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	93.293.587	-
Kinh phí công đoàn	343.818.493	283.882.998
Phải trả khác	109.668.000	945.136.689
Cộng	<u>546.780.080</u>	<u>1.229.019.687</u>

22. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

23. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	175.616.432
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(175.605.686)
Số cuối kỳ	<u>10.746</u>

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	217.486.458
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(74.657.000)
Số cuối kỳ	<u>142.829.458</u>

25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 30.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Trả cổ tức năm trước	-
Tạm ứng cổ tức trong kỳ	-

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.100.000	8.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.100.000	8.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.100.000	8.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.100.000	8.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.100.000	8.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	61.674.558	-	(37.508.000)	-	24.166.558
Quỹ phúc lợi	1.694.135.381	46.789.400	(677.269.500)	(73.500.000)	990.155.281
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.426.724.300	-	-	-	1.426.724.300
Cộng	3.182.534.239	46.789.400	(714.777.500)	(73.500.000)	2.441.046.139

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	221.182.266.693	196.526.635.219
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	221.105.564.873	196.465.021.582
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	76.701.820	61.613.637
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.670.583.200)	(1.472.797.880)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	-	-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.403.389.200)	(596.113.550)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(7.267.194.000)	(876.684.330)
Doanh thu thuần	212.511.683.493	195.053.837.339
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	212.434.981.673	194.992.223.702
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	76.701.820	61.613.637

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	146.363.690.869	136.124.238.600
Chi phí nhân công trực tiếp	9.620.267.514	6.130.612.094
Chi phí sản xuất chung	22.672.610.193	19.709.220.939
<i>Tổng chi phí sản xuất trong kỳ</i>	<i>178.656.568.576</i>	<i>161.964.071.633</i>
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm	4.328.581.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	(6.154.116.460)	-
<i>Giá thành sản xuất trong kỳ</i>	<i>176.831.033.354</i>	<i>161.964.071.633</i>
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu năm	43.574.801.285	38.813.967.090
Cộng: Thành phẩm nhập khác	-	2.588.776.013
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	(45.272.460.273)	(36.962.685.788)
Giá vốn hàng bán	175.133.374.366	166.404.128.948

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	111.765.007	5.075.118.147
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.423.841.743	-
Lãi tiền cho vay đã thu	307.724.108	-
Lãi đầu tư chứng khoán	764.001.125	1.245.686.704
Lãi bán ngoại tệ	121.800.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.256.563.386	1.026.403.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	617.452.500	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	29.180.444.351	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.108.283.203
Cộng	39.783.592.220	8.455.491.518

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	131.172.915	141.567.467
Thu tục phí bán chứng khoán	41.245.486	79.093.488
Lỗ đầu tư chứng khoán	19.388.003.751	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.083.611.347	498.707.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.924.829.116	-
Chi phí tài chính khác	-	1.387.136.878
Cộng	24.568.862.615	2.106.505.408

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.279.543.075	1.460.365.623
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.553.169	55.734.558
Thuế, phí và lệ phí	101.555.669	92.587.122
Chi phí khác	2.598.867.286	954.729.806
Cộng	5.024.519.199	2.563.417.109

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ hàng xuất khẩu	362.425.717	635.913.917
Hoàn nhập dự phòng	71.636.183	-
Thu nhập khác	8.723.841	-
Cộng	442.785.741	635.913.917

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê đất năm 2007, 2008	90.600.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	14.884.144
Chi phí khác	29.361.249	-
Cộng	119.961.249	14.884.144

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	26.061.147.307	16.175.413.193
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.061.147.307	16.175.413.193
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.061.147.307	16.175.413.193
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.100.000	8.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.217	1.997

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.073.024.793	146.338.877.380
Chi phí nhân công	12.965.996.603	8.291.521.557
Chi phí dụng cụ	8.710.318.163	719.176.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.907.203.625	1.328.403.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.978.457.765	15.569.373.983
Chi phí khác	10.135.461.924	7.849.509.426
Cộng	198.770.462.873	180.096.862.725

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ : Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	487.702.092	260.194.496
Phụ cấp	54.687.000	35.820.000
Cộng	542.389.092	296.014.496



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2009



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

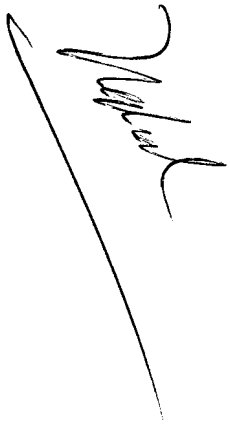
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

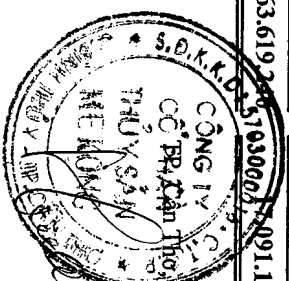
Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
 BAO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	3.688.239.021	2.008.638.425	22.900.238.250	288.144.875.835
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	2.406.263.292	2.406.263.292
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	2.149.608.281	1.354.980.815	(8.186.865.365)	(4.682.276.269)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm trước	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	9.009.636.177	277.758.862.858
Số dư đầu năm nay	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	9.009.636.177	277.758.862.858
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	26.061.147.307	26.061.147.307
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(17.820.000.000)	(17.820.000.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(159.600.000)	(159.600.000)
Số dư cuối kỳ	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	285.901.183.484	285.840.410.165





Ngày 15 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểuTrần Thị Bé Năm
Kế toán trưởngLương Hoàng Mạnh
Giám đốc